TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01677

R22/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Hệ thống thông tin địa lý (204501) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/11/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD504 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

	STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	1	08143042	LÊ THỊ	CHINH	DH08KM			8,5	8	5
	2	09143051	QUÃNG TRỌNG	CHINH	DH09KM			6,0	6	0
	3	08143004	ĐOÀN XUÂN	DUY	DH08KM			6,5	6	5
	4	08143005	NGUYỄN PHƯỚC	DUY	DH08KM			9,0	9	0
	5	08143044	BÙI THÙY	DƯƠNG	DH08KM			10	10	
	6	08146109	PHAN THỊ TUYẾT	GHÉ	DH08KM			9,5	9	5
	7	08143007	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	DH08KM			10	10	
	8	08143047	ĐÀO XUÂN	HIẾU	DH08KM			7,0	7	0
	9	08143053	PHẠM NGỌC THÙY	NGÂN	DH08KM			7,5	7	5
	10	07143026	CAO TÀI	NGUYÊN	DH08KM			9,0	9	0
1	11	08143020	HUỲNH THỊ	NHUNG	DH08KM			6,0	6	0
	12	08143055	NGUYỄN THỊ	NHƯ	DH08KM			6,0	6	0
	13	08143056	TRƯƠNG THỊ HOA	PHƯỢNG	DH08KM			7,0	7	0
2	14	08143057	NGUYỄN VĂN	SANG	DH08KM			8,0	8	0
3	15	08143023	HOÀNG THỊ THANH	THANH	DH08KM			8,0	8	0
	16	08143025	DƯƠNG LÊ QUANG	THẮNG	DH08KM			10	10	
4	17	08143059	LÊ THỊ HUỲNH	THẨM	DH08KM			9,0	9	0
5	18	08143060	NGUYỄN THỊ KIM	THE	DH08KM			9,0	9	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2 — Trần Đức Hân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 — Trần Đức Hân

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01677

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : Hệ thống thông tin địa lý (204501) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/11/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD504 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

	STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	19	08143028	NGUYỄN THỊ KIM	THU	DH08KM			6,5	6	5
6	20	08143063	NGUYỄN THỊ	THUẬN	DH08KM			10,0	10	0
	21	08143030	NGUYỄN THỊ XUÂN	THÚY	DH08KM			9,0	9	0
7	22	08143033	NGUYỄN THÀNH	TÍNH	DH08KM			8,0	8	0
8	23	09143033	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	DH09KM			6,0	6	0
	24	09143037	TRẦN HOÀNG ÁI	TRÂN	DH09KM			6,0	6	0
	25	08143069	HOÀNG BẢO	TRUNG	DH08KM			9,0	9	0
9	26	08143070	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH08KM			7,0	7	0
	27	08143071	MAI THANH	TUYỀN	DH08KM			9,0	9	0
10	28	07143046	HUỲNH LÊ	VIÊN	DH08KM			8,0	8	0
12	29	07143110	ĐOÀN TRỌNG	VINH	DH08KM			6,0	6	0
	30	08143039	DƯ HỒ THẢO	VY	DH08KM			9,0	9	0

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2 — Trần Đức Dân — Thu M. Nương

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 — Trần Đức Dân

Ngày tháng năm